

Số: 23/NQ-HĐND

Đoàn Đào, ngày 29 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026-2030 xã Đoàn Đào

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐOÀN ĐÀO
KHÓA XXI KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 821/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 tỉnh Hưng Yên;*

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Đoàn Đào lần thứ Nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

Thực hiện Thông báo số 253-KL/ĐU ngày 27/9/2026 thông báo kết luận Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030;

Xét Báo cáo số 552/BC-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về kết quả phát triển kinh tế xã hội năm 2025 và Kế hoạch phát triển – xã hội 5 năm 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã cơ bản tán thành với báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về kết quả phát triển kinh tế xã hội năm 2025 và thông qua mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của xã, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung xã và định hướng phát triển của tỉnh Hưng Yên. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; phát triển nông nghiệp hàng hóa, đặc sản, an toàn, ứng dụng khoa học công nghệ và liên kết chuỗi. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số, giao thông, thủy lợi, thoát nước, giáo dục, y tế và thiết chế văn hóa.

Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và mức độ hài lòng của Nhân dân; bảo đảm an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ

môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chính quyền phục vụ, kỷ cương, công khai, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số; quản lý chặt chẽ đất đai, xây dựng, tài nguyên và tài sản công; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Đến năm 2030, xã Đoàn Đào phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét, hệ thống hạ tầng thiết yếu được nâng cấp đồng bộ hơn, các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa và an sinh được cải thiện; cơ bản đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, tạo nền tảng phấn đấu được công nhận trước năm 2035 và chuẩn bị điều kiện phát triển theo tiêu chí đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

II. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về phát triển kinh tế

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn duy trì khoảng 13,5%/năm; năm 2030 đạt 13,6%.

(2) Tổng sản phẩm bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 200 triệu đồng/người.

(3) Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: nông nghiệp 16%; công nghiệp và xây dựng 45%; dịch vụ và thương mại 39%.

(4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt 760 tỷ đồng.

(5) Thu nhập bình quân trên 01 ha đất canh tác đến năm 2030 đạt trên 300 triệu đồng/ha.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 30%.

(7) Diện tích sàn nhà ở bình quân đến năm 2030 đạt trên 28 m²/người.

b) Về phát triển xã hội

(8) Tuổi thọ trung bình đến năm 2030 đạt 76,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu đạt 70 năm.

(9) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm dưới 1%.

(10) Tỷ lệ cơ sở y, dược và khám, chữa bệnh được quản lý hằng năm đạt 100%.

(11) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 100%.

(12) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 65%.

(13) Tỷ lệ trường thuộc xã quản lý đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới hằng năm đạt 100%.

(14) Tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học hằng năm đạt trên 40%.

(15) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đến năm 2030 đạt 56%.

(16) Phấn đấu từ năm 2027 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, hạn chế phát sinh hộ nghèo và tái nghèo.

(17) Tỷ lệ thôn đạt khu dân cư mới kiểu mẫu theo chuẩn giai đoạn 2025-2030 hằng năm đạt 100%.

(18) Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đến năm 2030 đạt 96,8%; duy trì 100% thôn đạt chuẩn văn hóa.

c) Về bảo vệ môi trường

(19) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đến năm 2030 đạt 99,6%.

(20) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030 đạt 70%.

(21) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030 đạt 100%.

(22) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hằng năm đạt 100%.

(23) Đến năm 2030 có 07 thôn có điểm xử lý nước thải tập trung.

(24) Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đến năm 2030 đạt 100%.

d) Về quốc phòng, an ninh:

(25) Hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn xã hội, phân đấu kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội theo mục tiêu của tỉnh và tình hình thực tế của địa phương.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý không gian phát triển

Phối hợp hoàn thiện, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chung xã Đoàn Đào đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; công khai hồ sơ, mốc giới, quy định quản lý và danh mục dự án sau khi được phê duyệt. Rà soát quy hoạch của ba xã trước sắp xếp, kế hoạch sử dụng đất, chương trình đầu tư công và dự án đang chuẩn bị; phân vùng quản lý dân cư, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ sông, kênh mương và di tích. Kiểm soát chặt chuyển mục đích sử dụng đất, san lấp, xây dựng, chia tách và hình thành điểm dân cư tự phát.

2.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Nâng hiệu quả hoạt động Cụm công nghiệp Quán Đò; hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, điện, nước, lao động và phòng cháy chữa cháy theo thẩm quyền. Kiểm tra, theo dõi tình hình sử dụng đất, tiến độ triển khai dự án, việc chấp hành quy định về xây dựng, công nghệ, an toàn lao động, xử lý nước thải và chất thải; kiến nghị xử lý dự án chậm triển khai hoặc vi phạm. Đối với khu, cụm công nghiệp định hướng trong quy hoạch cấp trên, chủ động phối hợp cập nhật ranh giới, đánh giá tác động, nhu cầu tái định cư, kết nối giao thông và khả năng cung cấp hạ tầng; ưu tiên ngành ít phát thải, công nghệ tiên tiến và có liên kết với kinh tế địa phương.

2.3. Phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế tư nhân và du lịch phù hợp

Hỗ trợ hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính, áp dụng hóa đơn điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt; khuyến khích chuyển đổi mô hình khi đủ điều kiện. Phát triển bán lẻ, vận tải, kho bãi, sửa chữa, dịch vụ số, cung ứng vật tư và dịch vụ hỗ trợ sản xuất; tăng quản lý thị trường, an toàn

thực phẩm, niêm yết giá và bảo vệ người tiêu dùng. Nghiên cứu hoạt động trải nghiệm vùng cây ăn quả, văn hóa làng, ẩm thực và sản phẩm địa phương gắn với di tích, sản phẩm OCOP và mùa vụ, bảo đảm an ninh, môi trường và giữ gìn không gian tín ngưỡng.

2.4. Phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao và kinh tế hợp tác

Tổ chức vùng sản xuất tập trung đối với vải trứng, vải lai, cam, bưởi và cây trồng có lợi thế; mở rộng mã số vùng trồng, VietGAP, tưới tiết kiệm, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và nhật ký điện tử. Cùng cố hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp liên kết đầu vào, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ; đầu tư phù hợp cho kho mát, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử. Phát triển chăn nuôi, thủy sản an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, giết mổ và chất thải, không để xả thải trực tiếp ra ao hồ, kênh mương.

2.5. Đầu tư công, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy hoạch, khả năng cân đối vốn và mức độ cấp thiết; ưu tiên dự án chuyển tiếp, điểm nghẽn giao thông, thoát nước và an toàn trường học; không bố trí vốn dàn trải. Phối hợp nâng cấp tuyến kết nối QL.38B, ĐT.386, đường Tân Phúc - Võng Phan, đường liên xã, liên thôn và nội đồng. Rà soát trạm bơm, kênh mương, cống và điểm úng; kết hợp thủy lợi với thoát nước khu dân cư, bảo vệ sông Cừ An và dòng chảy; công khai tiến độ, khối lượng, giải ngân và quyết toán công trình.

2.6. Tài chính, ngân sách, huy động nguồn lực và quản lý tài sản công

Xây dựng dự toán thu sát thực tế, quản lý đầy đủ nguồn thu, chống thất thu và mở rộng cơ sở thu bền vững từ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điều hành chi chặt chẽ, tiết kiệm; ưu tiên đầu tư phát triển, an sinh, giáo dục, y tế, quốc phòng và an ninh; thực hiện công khai ngân sách và trách nhiệm giải trình. Huy động nguồn lực minh bạch, tự nguyện, đúng thẩm quyền; tăng xã hội hóa phù hợp nhưng không chuyển nghĩa vụ đầu tư công thiết yếu sang người dân. Rà soát trụ sở, đất đai, tài sản dôi dư sau sắp xếp để sử dụng, điều chuyển hoặc xử lý đúng quy định.

2.7. Xây dựng nông thôn mới hiện đại và phát triển khu dân cư

Đánh giá hiện trạng toàn xã theo bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030; xác định tiêu chí đạt, chưa đạt, mức độ bền vững, nhu cầu vốn và đơn vị phụ trách. Ưu tiên tiêu chí liên quan trực tiếp đến thu nhập, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa, nước sạch, môi trường, chuyển đổi số và an ninh trật tự. Chinh trang khu dân cư theo hướng an toàn, sáng, xanh, sạch, thuận tiện; bảo vệ cấu trúc làng xóm, di tích, cây xanh, mặt nước và không gian sinh hoạt cộng đồng; gắn kết quả thực hiện với chất lượng vận hành và sự hài lòng của người dân.

2.8. Quản lý đất đai, trật tự xây dựng và giải phóng mặt bằng

Hoàn thiện kiểm kê, hồ sơ địa chính, địa chỉ và dữ liệu thửa đất; phân loại hồ sơ tồn đọng sau dồn thửa đổi ruộng, đất dôi dư, đất ở và cấp giấy chứng nhận để xử lý theo điều kiện và thứ tự ưu tiên. Công khai quy trình, thời gian và tình trạng xử lý. Tăng kiểm tra từ sớm đối với chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng

trên đất nông nghiệp, lấn chiếm đất công, hành lang giao thông, thủy lợi. Thực hiện đầy đủ đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đối thoại và giải quyết kiến nghị từ cơ sở.

2.9. Bảo vệ môi trường, cấp nước, thoát nước và thích ứng biến đổi khí hậu

Hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển, xử lý rác; mở rộng phân loại rác hữu cơ tại hộ; giảm đốt rác và đổ thải sai quy định. Kiểm soát nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, cơ sở sản xuất và khu, cụm công nghiệp; đầu tư thoát nước và điểm xử lý nước thải tập trung theo lộ trình; bảo vệ nguồn nước, ao hồ, sông Cửu An và kênh mương. Phát triển cấp nước sạch ổn định, kiểm soát chất lượng. Cập nhật phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh và sự cố môi trường; lồng ghép hạ tầng chống chịu trong các dự án.

2.10. Giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ và nguồn nhân lực

Rà soát mạng lưới trường lớp, nhu cầu học sinh, bán kính phục vụ và cơ sở vật chất sau sắp xếp; ưu tiên phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị, nhà vệ sinh, nước sạch, an toàn trường học và hạ tầng số. Duy trì trường chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới; nâng chất lượng giáo dục toàn diện, ngoại ngữ, tin học, STEM, kỹ năng sống và văn hóa đọc. Tăng hướng nghiệp, phân luồng, liên kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; đào tạo nghề theo nhu cầu công nghiệp, dịch vụ, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại số và bảo quản nông sản.

2.11. Y tế, dân số, bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

Củng cố hoạt động của trạm y tế theo phương án mạng lưới được phê duyệt; bảo đảm nhân lực, thuốc, thiết bị; nâng chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và nhóm dễ bị tổn thương. Duy trì giám sát dịch, tiêm chủng, y tế học đường, an toàn thực phẩm và quản lý hành nghề y dược tư nhân. Tổ chức quản lý sức khỏe trên nền tảng số; vận động tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, tập trung vào lao động phi chính thức và hộ sản xuất kinh doanh.

2.12. Lao động, việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Cập nhật cơ sở dữ liệu lao động, kỹ năng, nhu cầu việc làm và tuyển dụng; tổ chức tư vấn nghề, kết nối doanh nghiệp và thông tin thị trường lao động. Theo dõi điều kiện lao động, tiền lương, an toàn vệ sinh lao động và quan hệ lao động tại cơ sở sản xuất. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và hộ khó khăn; hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, y tế, giáo dục, nhà ở và dịch vụ cơ bản; theo dõi hộ mới thoát nghèo để hạn chế tái nghèo.

2.13. Văn hóa, thông tin, thể thao và bảo tồn giá trị địa phương

Rà soát, sắp xếp và nâng hiệu quả sử dụng nhà văn hóa, sân thể thao, hệ thống truyền thanh sau sắp xếp thôn; xây dựng lịch hoạt động, quy chế quản lý và phương án bảo trì. Nâng chất lượng phong trào gia đình văn hóa, thôn văn hóa và thể thao quần chúng; gắn tiêu chí văn hóa với nếp sống, môi trường, an toàn giao thông và đoàn kết cộng đồng. Lập danh mục di tích, cơ sở tín ngưỡng, lễ hội và

hạng mục cần tu bổ; huy động nguồn lực đúng quy định, bảo đảm yếu tố gốc và cảnh quan; chủ động thông tin chính xác về quy hoạch, dự án và chính sách.

2.14. Cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền

Chuẩn hóa quy trình thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời gian và trách nhiệm từng khâu; duy trì tiếp nhận, thanh toán trực tuyến và số hóa kết quả. Đo lường thời gian xử lý thực tế, tỷ lệ phải bổ sung, tỷ lệ đúng hạn và mức độ hài lòng; tăng hỗ trợ người cao tuổi, người ít kỹ năng số và hộ kinh doanh. Xây dựng dữ liệu quản lý cấp xã đối với dân cư, đất đai, hộ kinh doanh, đầu tư công, tài sản công, an sinh, văn hóa và môi trường; quy định rõ nguồn, người cập nhật, tần suất, phân quyền, sao lưu và bảo mật. Siết chặt kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ và trách nhiệm người đứng đầu.

2.15. Quốc phòng, an ninh, nội chính và phòng chống tham nhũng

Duy trì sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên, hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng toàn dân. Rà soát phương án bảo vệ mục tiêu, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng thủ dân sự và ứng phó sự cố tại khu, cụm công nghiệp, chợ, trường học, khu dân cư. Nắm chắc địa bàn, giải quyết mâu thuẫn từ cơ sở; phòng chống tội phạm, tệ nạn, vi phạm trên không gian mạng và tai nạn giao thông. Nâng chất lượng tiếp công dân, hòa giải, xử lý đơn thư; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; công khai các lĩnh vực đất đai, đầu tư, ngân sách, giải phóng mặt bằng và tuyển dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu đồng nhân dân xã và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào khóa XXI, Kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua. /*th*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, các thôn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hách

Ký bởi: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐOÀN ĐÀO
ỦY BAN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 03/10/2026 16:43:23

